

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 61/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 13/8//2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lưu Trọng Kim.

2/ Bà Nguyễn Thị Bình.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2019 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 132/2019/TLST-HNGĐ, ngày 07/5/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/7/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phùng Thị Thanh H, sinh năm 1982. Nơi cư trú: số 59, đường số 7, tổ 8, thôn 6, xã Đ, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1978. Nơi cư trú: tổ 8, thôn 10, xã Đ, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

NHÂN THẤY:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/5/2019, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Phùng Thị Thanh H trình bày: Năm 2000, bà và ông Trần Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức Hạnh vào ngày 05/6/2000. Sau khi kết hôn, ông bà về sinh sống tại thôn 10, xã Đ, huyện Đức Linh. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có 02 con chung tên Trần Mai Trinh, sinh ngày 18/12/2000 và Trần Anh A, sinh ngày 01/01/2007. Nhiều năm trở lại đây, tình cảm vợ chồng trở nên rạn nứt, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn về nhà kiểm chuyện gây gổ với bà. Ngoài ra, bản thân ông T là người không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm đến vợ con. Ông bà đã ly thân nhiều năm nay, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Nay bà nhận thấy hôn nhân giữa bà và ông T không thể hàn gắn được, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quý trọng nhau nên bà kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Về con chung: khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Anh A và yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Riêng cháu Trần Mai Tr đã trên 18 tuổi nên bà không có yêu cầu gì. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 01/8/2019, bà H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, TAND huyện Đức Linh đã thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không có mặt nên không thể lấy lời khai của ông T cũng như tiến hành phiên họp theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh trình bày quan điểm như sau: Về thủ tục tố tụng thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn chấp hành đúng theo triệu tập của Tòa án; Bị đơn chưa thực hiện đúng, đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, không chấp hành theo triệu tập của Tòa án. Về nội dung thì căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: cuộc sống hôn nhân giữa bà H và ông T đã không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H, đồng thời giao cháu A cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là

phù hợp và đúng pháp luật. Về cấp dưỡng: Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà H với mức 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp với điều kiện sống thực tế tại địa phương nên cần được chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định pháp luật để xét xử.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở đơn khởi kiện của nguyên đơn, TAND huyện Đức Linh đã xác định quan hệ “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” là đúng pháp luật.

Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì TAND huyện Đức Linh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Xét thấy bà Phùng Thị Thanh H đã có đơn xin xét xử vắng mặt; Riêng ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông T là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án TANDTC công bố thì thấy rằng: nội dung tranh chấp của vụ án này không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong án lệ nên Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án này.

[2] Về nội dung: Xét thấy bà H và ông T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Căn cứ lời khai của bà H và giấy khai sinh do UBND xã Đ cấp cho người được khai sinh tên Trần Mai Trinh và Trần Anh A thì có đủ cơ sở xác định, Mai Trinh và Anh A là con chung của bà H và ông T. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật.

Xét thấy hôn nhân giữa bà H và ông T đã không còn hạnh phúc. Vợ chồng ly thân thời gian dài nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm. Tại các tài liệu chứng

cứ có trong hồ sơ vụ án, bà H xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông T và kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tuy không thu thập được lời khai của ông T về tình trạng hôn nhân nhưng qua đơn thuận tình ly hôn do bà H và ông T lập ngày 26/02/2019 và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập đã có đủ căn cứ xác định tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông T đã thật sự trầm trọng, mâu thuẫn gay gắt, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: Xét thấy cháu Mai Tr đã trên 18 tuổi nên không phải xem xét về quyền và nghĩa vụ của người trực tiếp nuôi con; riêng cháu A đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Bà H là người có đạo đức tốt, công việc ổn định. Hiện nay cháu A đang do bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó cần giao cháu A cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và có căn cứ pháp luật. Xét thấy mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà H là phù hợp với điều kiện sống thực tế tại địa phương. Do đó, cần buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi con cho bà H với mức 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp và đúng pháp luật. Thời gian cấp dưỡng sẽ được tính từ tháng 8/2019 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét trong bản án này.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm án phí, lệ phí Tòa án thì bà H là người khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Ông T phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con là đúng quy định pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Luật thi hành án dân sự 2008; Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị Thanh H.

1.1 Về hôn nhân: Tuyên bố Phùng Thị Thanh H ly hôn Trần Văn T.

1. 2. Về con chung : Giao cho bà Phùng Thị Thanh H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giao dục và nuôi dưỡng con: Trần Anh A, sinh ngày 01/01/2007. Buộc ông Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con A cho bà H với mức 1.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2019 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Ông T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông T còn phải chịu tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với thời gian và số tiền phải thi hành án.

2/ Về án phí: Bà Phùng Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí DSST về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025305 ngày 07/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí DSST về cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn và bị đơn biết, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./-

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Phước Hiệu